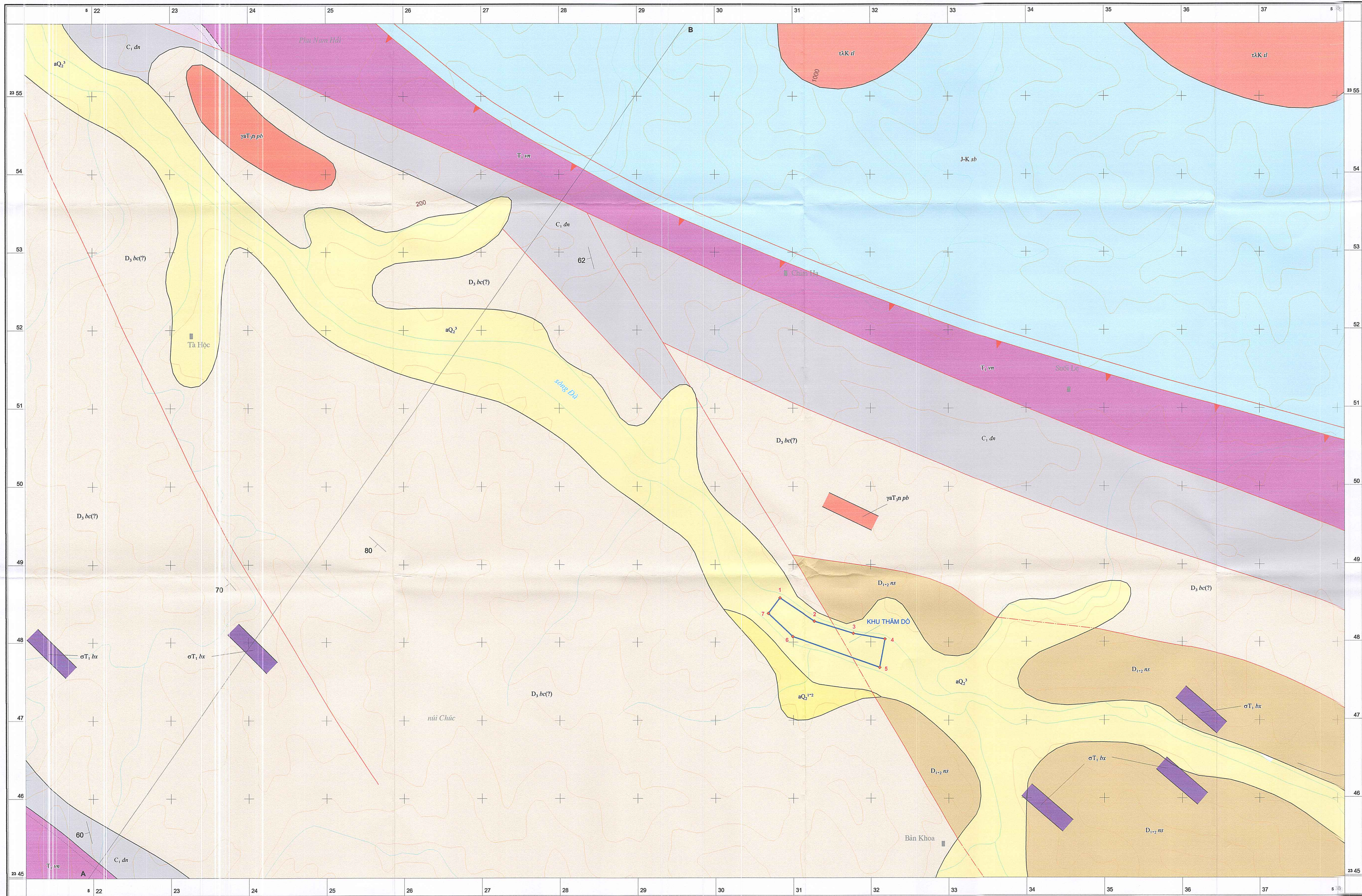


BẢN ĐỒ ĐỊA CHẤT VÙNG
XÃ TẠ KHOA VÀ XÃ PẮC NGÀ, TỈNH SƠN LA



CHỈ DẪN

I. ĐỊA TẢNG

- Holocen thượng:**
Cát, cuội, sạn, tầng lẫn sét, bột. Dày 1-4m
- Holocen hạ:**
Cuội, tầng lẫn cát, sạn; phần trên là sét, bột lẫn ít than bùn. Dày 1-3m.
- Phụ phức hệ núi lửa Tú Lệ:**
Trachyt, trachyt, porphyr, ryotrachyt.
- Hệ tầng Suối Bè:**
Bazan aphyr, plagiobazan, trachytobazan, andesitobazan, cuội sạn kết tuf, cát kết tuf, tufobazan. Dày 1350-1550m
- Phức hệ Phía Bioc:**
Granit biotit, granit porphyr
- Hệ tầng Mường Trai**
Đá phiến sét, cát kết, đá vôi sét, đá vôi, bazan(?). Dày 380m
- Phức hệ Bàn Xang:**
Peridotit, dunit
- Hệ tầng Viên Nam:**
Bazan aphyr, bazan cao magnesi, andesitobazan, andesitodacit, trachyt, trachyt porphyr, aglomerat, cát kết tuf, bột kết. Dày 900-1000m.
- Hệ tầng Đa Niêng:**
Đá vôi phân lớp trung bình đến dày, màu xám đen xen lớp mỏng đá silic. Dày 110m
- Hệ tầng Bàn Cãi:**
Đá phiến sét, đá phiến silic xen đá vôi silic, đá vôi, đá vôi sét, cấu tạo sọc dải, thấu kính mangan. Dày 350-900m
- Hệ tầng Nậm Sập:**
Đá phiến phylit, đá phiến clorit, sét vôi xám đen xen cát kết dạng quazit. Dày 1750m.

II. CÁC KÍ HIỆU KHÁC

- a b Ranh giới địa chất: a - Xác định; b - Dự đoán.
- a b Ranh giới không chính hợp: a - Xác định; b - Dự đoán.
- Đứt gãy nghịch
- a b Đứt gãy: a - Xác định, b - Dự đoán
- Đường đồng mức
- 70 Thể nằm và góc dốc của đá
- Sông, suối
- A-B Đường mặt cắt địa chất
- Diện tích thăm dò

CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH SHA SƠN LA



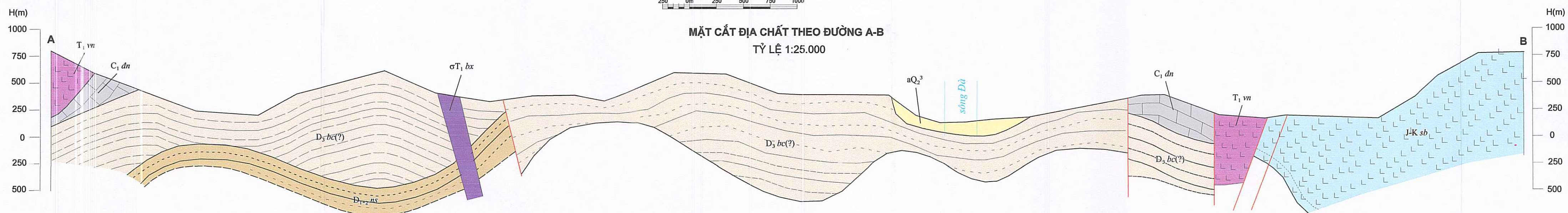
GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Anh

TỶ LỆ 1:25.000

1cm trên bản đồ bằng 250m ngoài thực tế

MẶT CẮT ĐỊA CHẤT THEO ĐƯỜNG A-B
TỶ LỆ 1:25.000

Theo tài liệu do vẽ bản đồ địa chất khoáng sản tỷ lệ 1:200.000 từ Vạ Yên của Nguyễn Xuân Bạo và ntk



CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MỎ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG XUÂN			
Bảo vệ kết quả thăm dò khoáng sản cát trên sông Đà làm vật liệu xây dựng thông thường tại thị trấn Khôc A, xã Mường Khoa và bản Cài B, xã Châm Văn, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La (Nay là bản Suối Táng, xã Tạ Khoa và bản Văn, xã Pắc Ngà, tỉnh Sơn La)			
Bản vẽ số 02: Bản đồ địa chất vùng xã Tạ Khoa và xã Pắc Ngà, tỉnh Sơn La	Tỷ lệ 1:25.000	Năm 2025	
Người thành lập		Vũ Khắc Yên	
Chờ liên		Vũ Văn Tiết	
Giới đốc		Phan Bá Toàn	

SƠ ĐỒ VỊ TRÍ GIAO THÔNG
XÃ TẠ KHOA VÀ XÃ PẮC NGÀ, TỈNH SƠN LA



CHỦ ĐẦU TƯ
CÔNG TY TNHH SHA SƠN LA



GIÁM ĐỐC
Nguyễn Ngọc Anh

TỶ LỆ 1:200.000

1cm trên bản đồ bằng 2000m ngoài thực tế

2000 0m 2000 4000 6000 8000

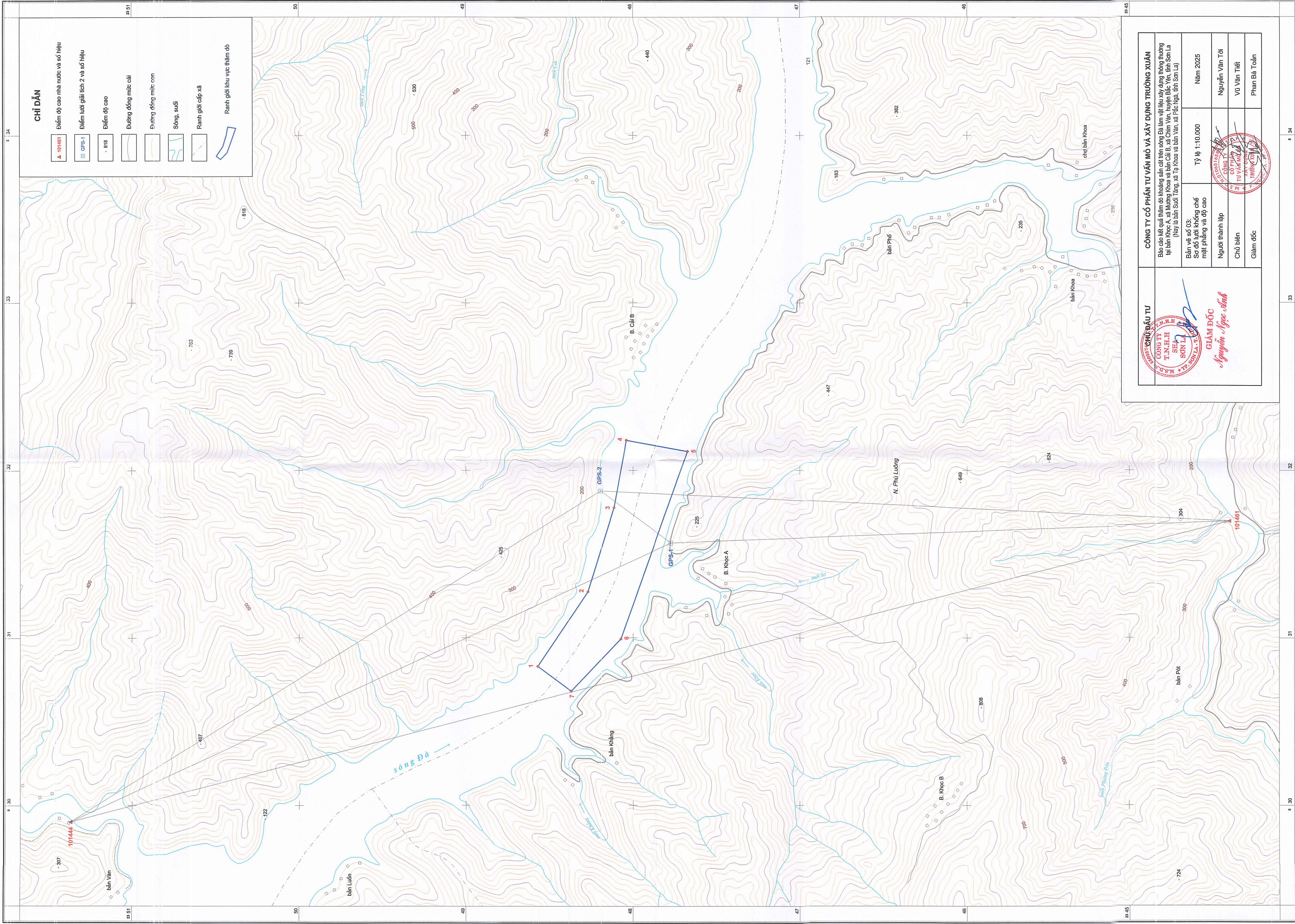
CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MỎ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG XUÂN

Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát trên sông Đà làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Khọc A, xã Mường Khoa và bản Cối B, xã Chím Ván, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La (Nay là bản Suối Tăng, xã Tạ Khoa và bản Ván, xã Pắc Ngà, tỉnh Sơn La)

Bản vẽ số 01: Sơ đồ vị trí giao thông	Tỷ lệ 1:200.000	Năm 2025
Người thành lập		Trần Thị Hiến
Chủ biên		Vũ Văn Tiết
Giám đốc		Phan Bá Toàn

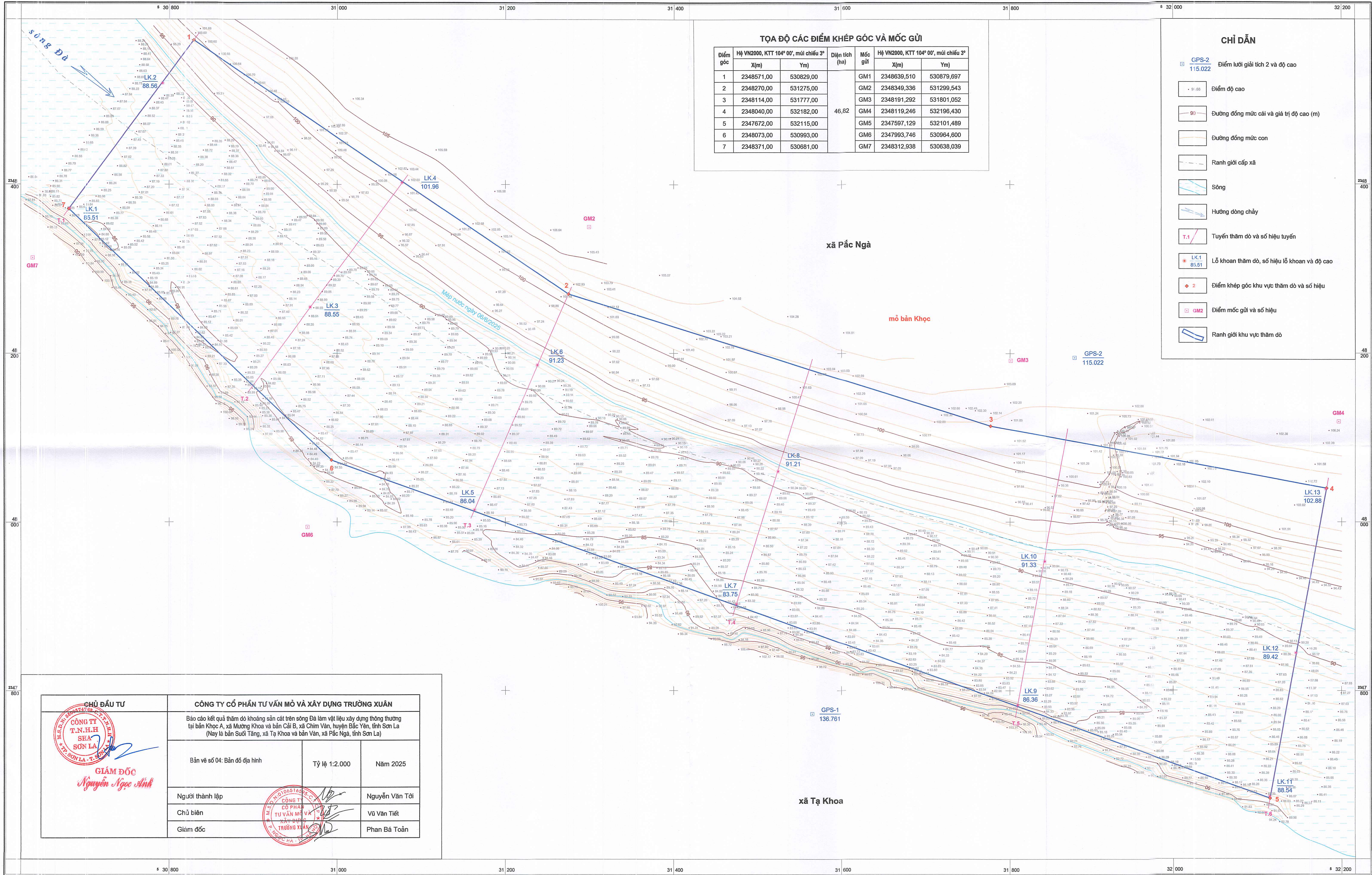
SƠ ĐỒ LƯỚI KHỐNG CHẾ MẶT PHẪNG VÀ ĐỘ CAO

MỎ CÁT TRÊN SÔNG ĐÀ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THƯỜNG TẠI BẢN KHOC A, XÃ MUỜNG KHOA VÀ BẢN CẢI B, XÃ CHIM VÁN, HUYỆN BẮC YẾN, TỈNH SƠN LA (NAY LÀ XÃ TẠ KHOA VÀ XÃ PẮC NGÀ, TỈNH SƠN LA)



BẢN ĐỒ ĐỊA HÌNH

MỎ CÁT TRÊN SÔNG ĐÀ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI BẢN KHỘC A, XÃ MƯỜNG KHOA VÀ BẢN CẢI B, XÃ CHIM VÀN, HUYỆN BẮC YÊN, TỈNH SƠN LA (NAY LÀ XÃ TẠ KHOA VÀ XÃ PẮC NGÀ, TỈNH SƠN LA)



Điểm góc	Hệ VN2000, KTT 104° 00', mũi chiếu 3°		Diện tích (ha)	Mốc gủi	Hệ VN2000, KTT 104° 00', mũi chiếu 3°	
	X(m)	Y(m)			X(m)	Y(m)
1	2348571,00	530829,00	46,82	GM1	2348639,510	530879,697
2	2348270,00	531275,00		GM2	2348349,336	531299,543
3	2348114,00	531777,00		GM3	2348191,292	531801,052
4	2348040,00	532182,00		GM4	2348119,246	532196,430
5	2347672,00	532115,00		GM5	2347597,129	532101,489
6	2348073,00	530993,00		GM6	2347993,746	530964,600
7	2348371,00	530681,00		GM7	2348312,938	530638,039

CHỈ DẪN	
	Điểm lưới giải tích 2 và độ cao
	Điểm độ cao
	Đường đồng mức cái và giá trị độ cao (m)
	Đường đồng mức con
	Ranh giới cấp xã
	Sông
	Hướng dòng chảy
	Tuyến thăm dò và số hiệu tuyến
	Lỗ khoan thăm dò, số hiệu lỗ khoan và độ cao
	Điểm khép góc khu vực thăm dò và số hiệu
	Điểm mốc gủi và số hiệu
	Ranh giới khu vực thăm dò

CHỦ ĐẦU TƯ		CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MỎ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG XUÂN		
		Bảo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát trên sông Đà làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Khộc A, xã Mường Khoa và bản Cải B, xã Chim Vàn, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La (Nay là bản Suối Tằng, xã Tạ Khoa và bản Ván, xã Pắc Ngà, tỉnh Sơn La)		
		Bản vẽ số 04: Bản đồ địa hình	Tỷ lệ 1:2.000	Năm 2025
		Người thành lập		Nguyễn Văn Tới
		Chủ biên		Vũ Văn Tiết
		Giám đốc		Phan Bá Toàn

TỶ LỆ 1:2.000
1cm trên bản đồ bằng 20m ngoài thực tế
Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến thực 104° 00', mũi chiếu 3°

BẢN ĐỒ TÀI LIỆU THỰC TẾ ĐỊA CHẤT

MỎ CÁT TRÊN SÔNG ĐÀ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI BẢN KHỘC A, XÃ MƯỜNG KHOA VÀ BẢN CẢI B, XÃ CHIM VÀN, HUYỆN BẮC YÊN, TỈNH SƠN LA (NAY LÀ XÃ TẠ KHOA VÀ XÃ PẮC NGÀ, TỈNH SƠN LA)

TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM KHÉP GÓC VÀ MỐC GỬI

Điểm góc	Hệ VN2000, KTT 104° 00', mũi chiếu 3°		Diện tích (ha)	Mốc gửi	Hệ VN2000, KTT 104° 00', mũi chiếu 3°	
	X(m)	Y(m)			X(m)	Y(m)
1	2348571,00	530829,00	46,82	GM1	2348639,510	530879,697
2	2348270,00	531275,00		GM2	2348349,336	531299,543
3	2348114,00	531777,00		GM3	2348191,292	531801,052
4	2348040,00	532182,00		GM4	2348119,246	532196,430
5	2347672,00	532115,00		GM5	2347597,129	532101,489
6	2348073,00	530993,00		GM6	2347993,746	530964,600
7	2348371,00	530681,00		GM7	2348312,938	530638,039

CHỈ DẪN

ĐỊA TẢNG

Holocen thượng:
aQ₃¹ Cát, cuội, sạn, tầng lẫn sét, bột. Dày 1-4m

CÁC KÍ HIỆU KHÁC

- LT-1: Lộ trình địa chất và số hiệu
KS.1: Số hiệu điểm khảo sát
a: Điểm khảo sát trên sông
b: Điểm phủ
- LK.1
4,2m
Lỗ khoan thăm dò, số hiệu lỗ khoan và chiều sâu khoan
- Đường đồng mức cái và giá trị độ cao (m)
- Đường đồng mức con
- Ranh giới cấp xã
- Sông
- Hướng dòng chảy
- T.1
Tuyến thăm dò và số hiệu tuyến
- 2
Điểm khép góc khu vực thăm dò và số hiệu
- GM2
Điểm mốc gửi và số hiệu
- Ranh giới khu vực thăm dò

Vị trí lấy các loại mẫu:

H1: Mẫu hóa
CL1: Mẫu cơ lý
TS1: Mẫu trọng sa
PX1: Mẫu phóng xạ
KV1: Mẫu khoáng vật

NR1: Mẫu nở rời
ĐH1: Mẫu độ hạt
TT1: Mẫu thể trọng
KS1: Mẫu phân ứng kiểm silic
HN1: Mẫu nước

CHỦ ĐẦU TƯ		CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MỎ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG XUÂN		
		Báo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát trên sông Đà làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Khộc A, xã Mường Khoa và bản Cải B, xã Chim Vàn, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La (Nay là bản Suối Tầng, xã Tạ Khoa và bản Vàn, xã Pắc Ngà, tỉnh Sơn La)		
		Bản vẽ số 05: Bản đồ tài liệu thực tế địa chất	Tỷ lệ 1:2.000	Năm 2025
		Người thành lập		Vũ Khắc Yên
		Chủ biên		Vũ Văn Tiết
		Giám đốc		Phan Bá Toàn

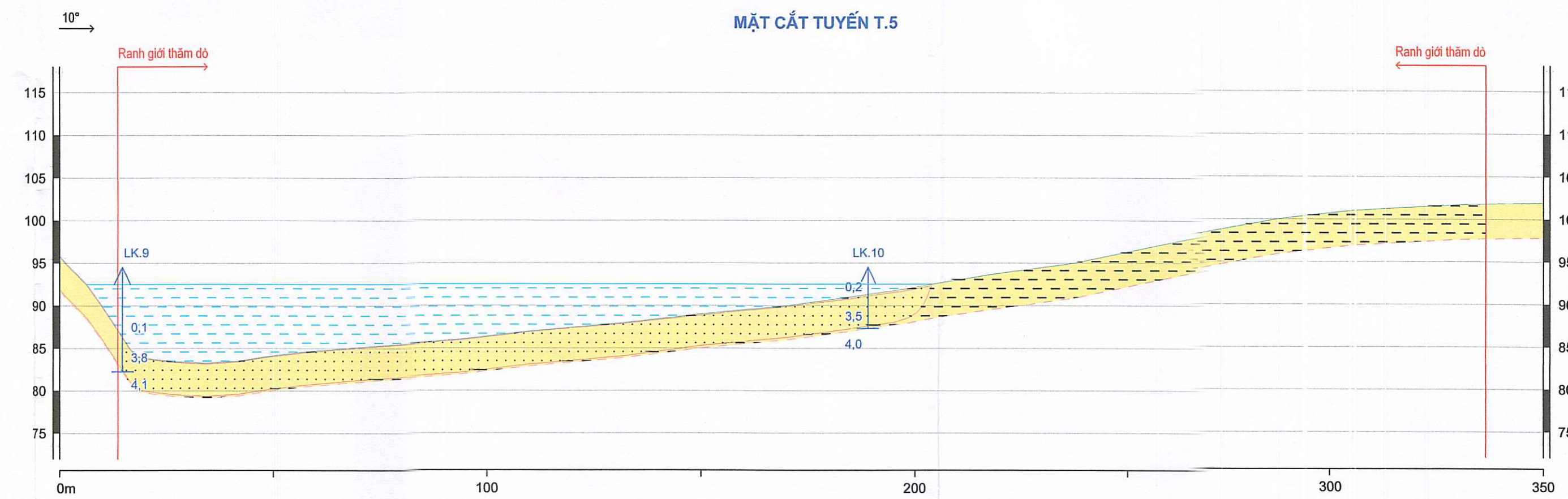
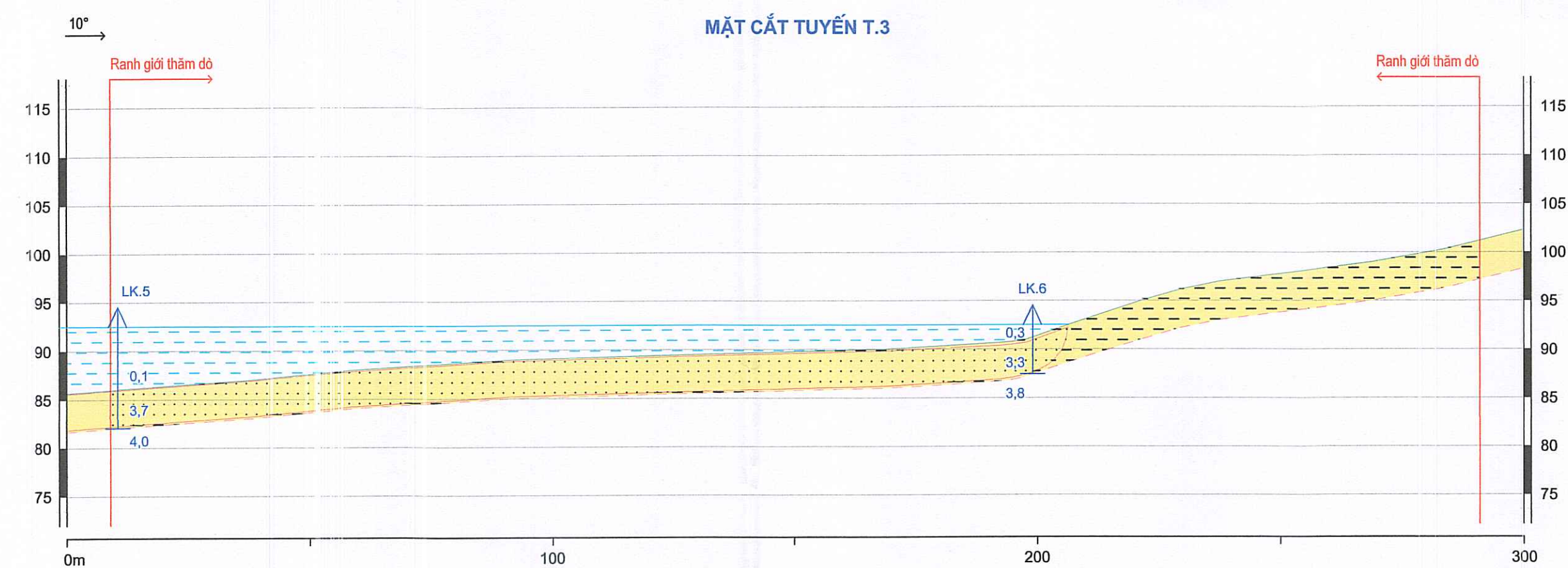
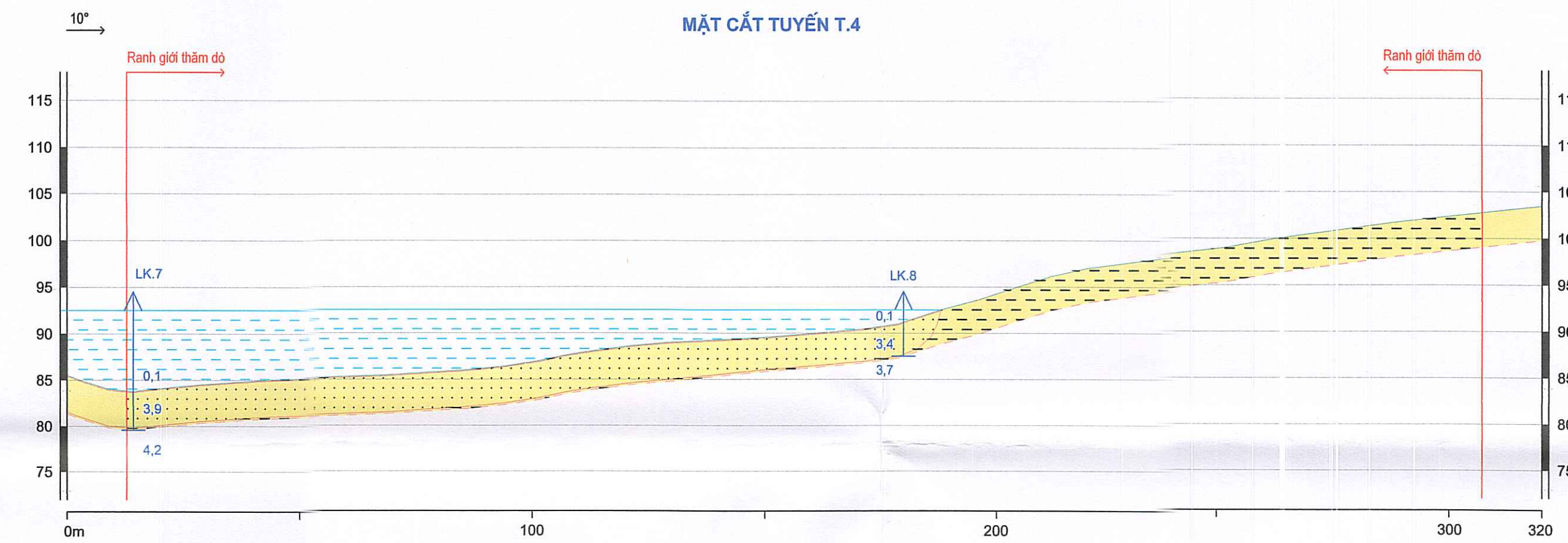
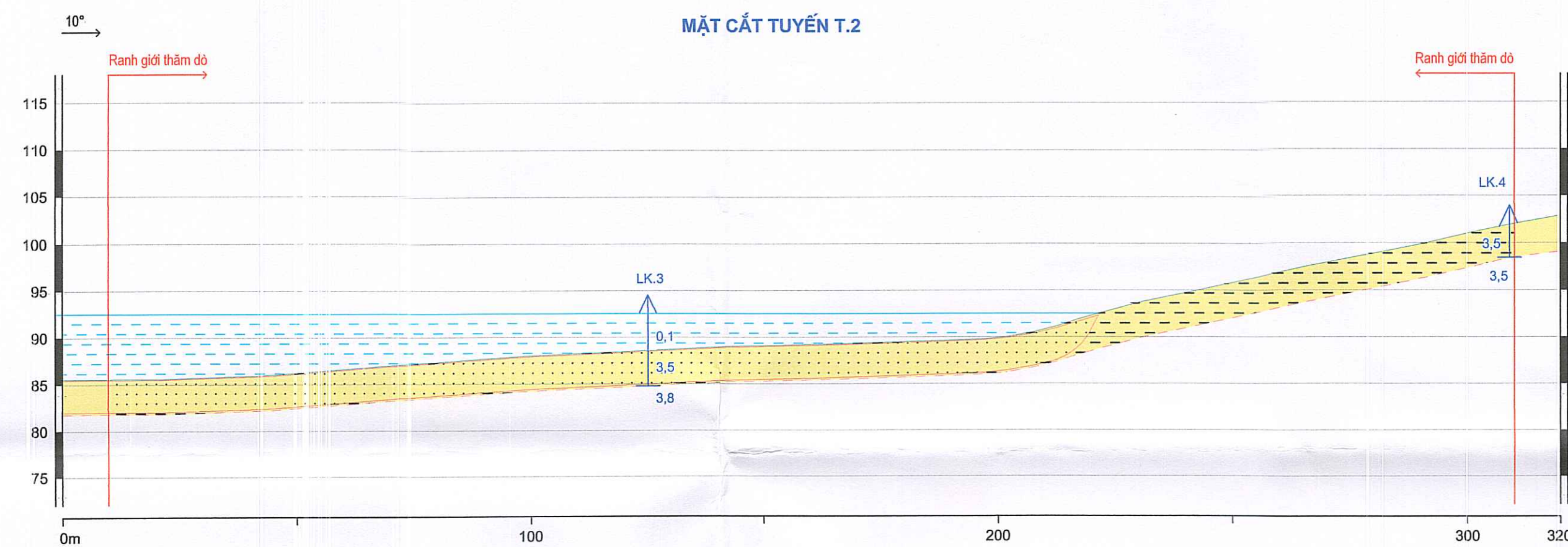
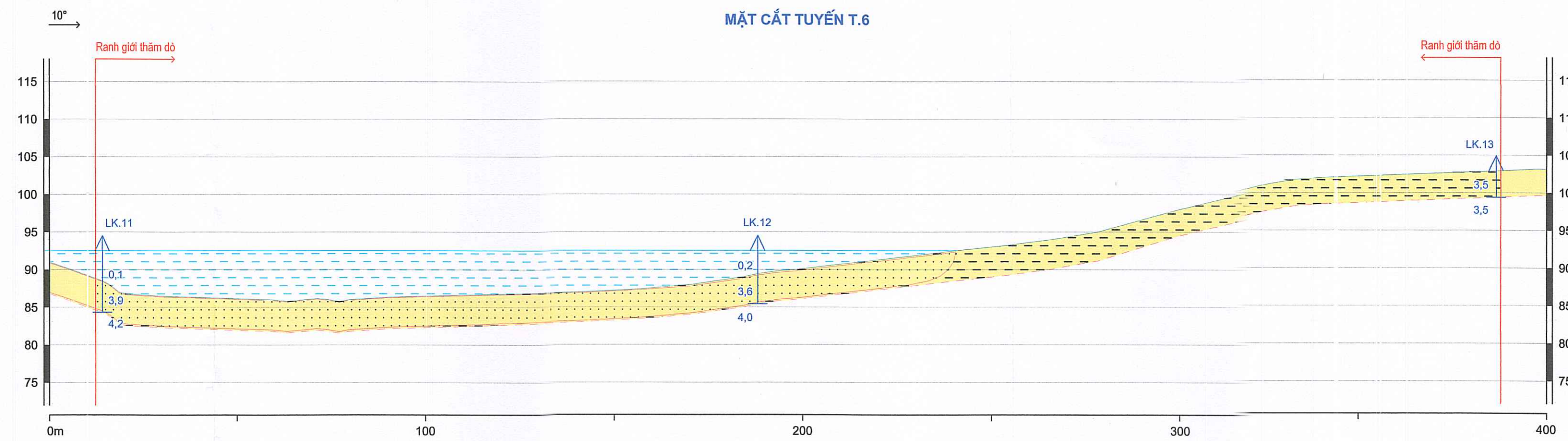
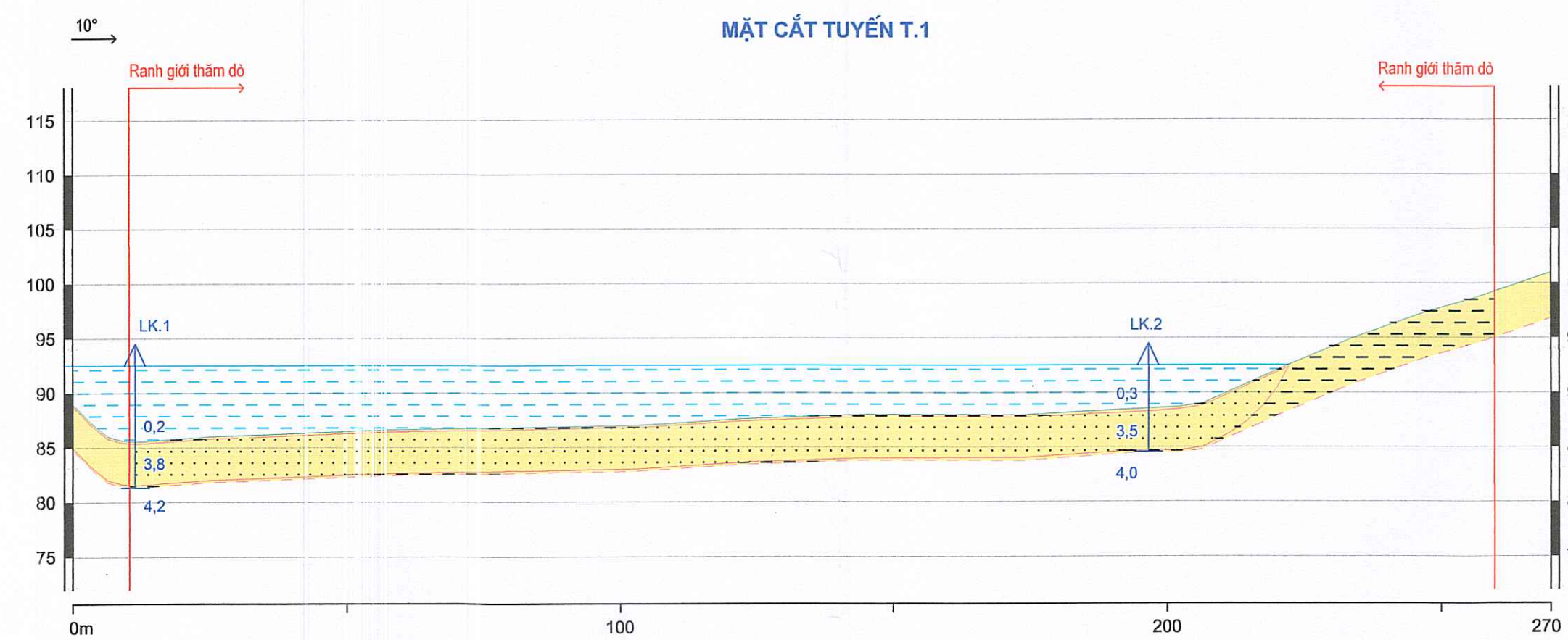
TỶ LỆ 1:2.000

1cm trên bản đồ bằng 20m ngoài thực tế
Hệ tọa độ VN.2000, kinh tuyến trục 104° 00', mũi chiếu 3°

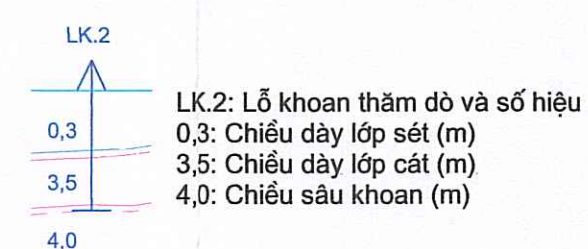
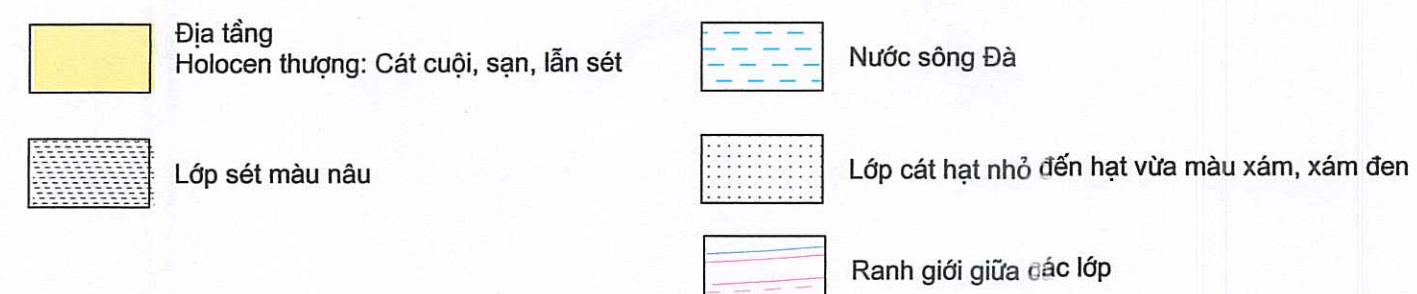
MỎ CÁT TRÊN SÔNG ĐÀ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI BẢN KHỐC A, XÃ MUỜNG KHOA VÀ BẢN CẢI B, XÃ CHIM VÀN, HUYỆN BẮC YÊN, TỈNH SƠN LA (NAY LÀ XÃ TẠ KHOA VÀ XÃ PẮC NGÀ, TỈNH SƠN LA)



MỎ CÁT TRÊN SÔNG ĐÀ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI BẮN KHỐC A, XÃ MUỒNG KHOA VÀ BẮN CẢI B, XÃ CHIM VÀN, HUYỆN BẮC YÊN, TỈNH SƠN LA (NAY LÀ XÃ TÀ KHOA VÀ XÃ PẮC NGÀ, TỈNH SƠN LA)



CHỈ DẪN



CHỦ ĐẦU TƯ  GIÁM ĐỐC <i>Nguyễn Ngọc Anh</i>	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MÔ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG XUÂN Báo cáo kết quả thành lập khoảng sân cát trên sông Đà làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Khọc A, xã Lương Khoa và bản Cãi B, xã Chim Ván, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La (Nay là bản Sốt Tầng, xã Tạ Khoa và bản Ván, xã Bắc Ngà, tỉnh Sơn La)	
	Bản vẽ số 07: Mặt cắt địa chất theo các tuyến thăm dò	Tỷ lệ 1:1.000 Năm 2025
	Người thành lập:	Võ Khắc Yên
	Chủ biên	Vũ Văn Tiết
	Giám đốc	Phan Bá Toàn

MỎ CÁT TRÊN SÔNG ĐÀ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI BẢN KHỐC A, XÃ MUỜNG KHOA VÀ BẢN CẢI B, XÃ CHIM VÀN, HUYỆN BẮC YÊN, TỈNH SƠN LA (NAY LÀ XÃ TẠ KHOA VÀ XÃ PẮC NGÀ, TỈNH SƠN LA)

CHỈ DẪN

I. ĐỊA CHẤT THỦY VĂN

Các thành tạo chứa nước:

Dạng tồn tại	Tầng và đới chứa nước	Chiều dày (m)	Ký hiệu tuổi DCTV	Thành phần	Mức độ chứa nước		
					Giàu	Trung bình	Nghèo
Nước mặt	Nước sông Đà	<10			x		
Nước dưới đất	Tầng chứa nước lỗ hổng trong trầm tích Đệ II.	1-4,5	aQ ₂ ³	Cát, sạn, lẫn sét, bột màu xám, xám đen		x	

II. CÁC KÝ HIỆU KHÁC:

Đường đng mức cái và giá trị độ cao (m)

Đường đng mức con

Ranh giới cấp xã

Sông

Hướng đng chảy

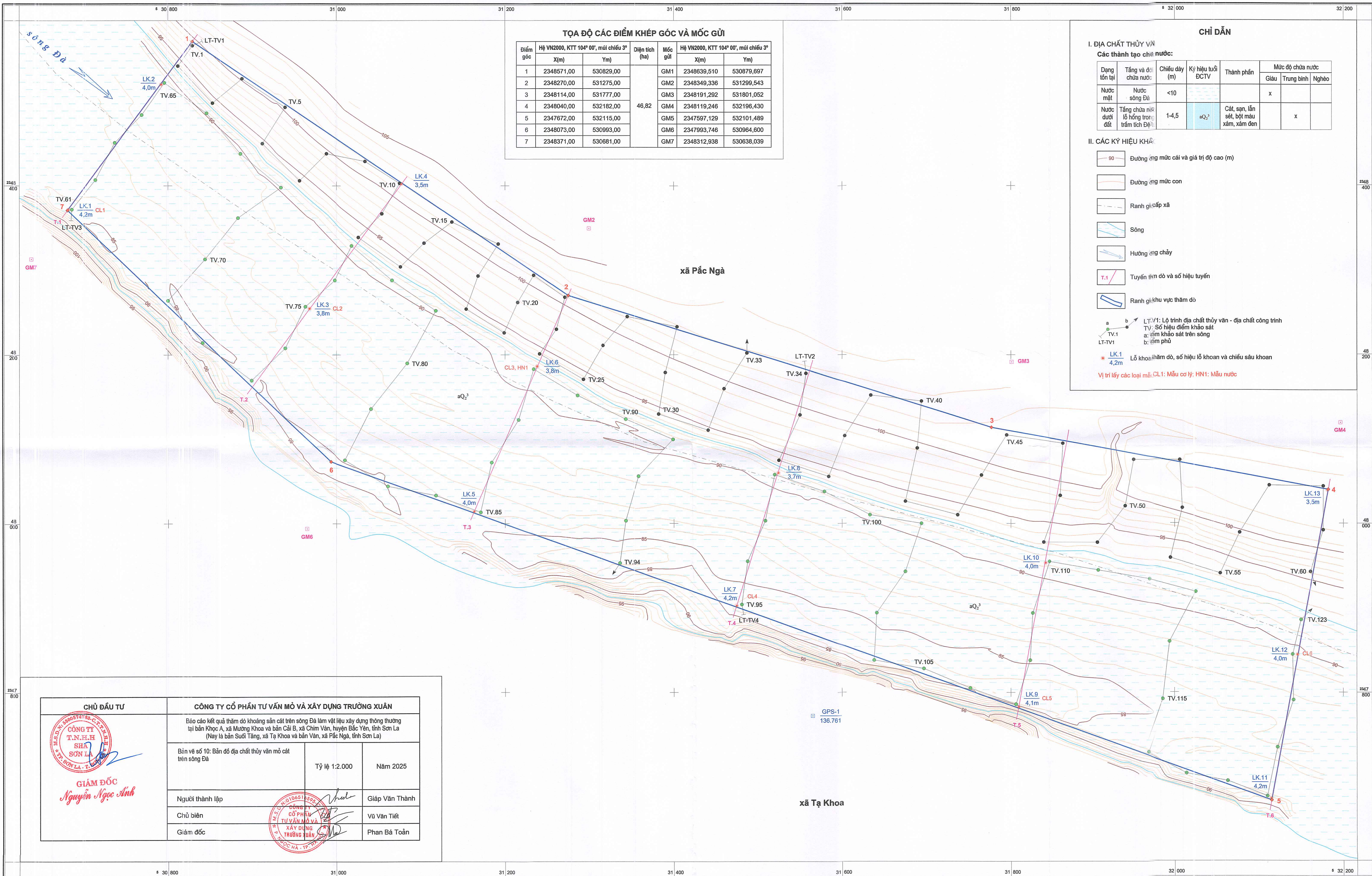
Tuyến ttm dò và số hiệu tuyến

Ranh giới khu vực thăm dò

LT-TV1: Lộ trình địa chất thủy văn - địa chất công trình TV; Số hiệu điểm khảo sát
a: trạm khảo sát trên sông
b: trạm phủ

Lỗ khoan /hàm dò, số hiệu lỗ khoan và chiều sâu khoan

Vị trí lấy các loại mẫu: CL1: Mẫu cơ lý; HN1: Mẫu nước



TỶ LỆ 1:2.000
1cm trên bản đồ bằng 20m ngoài thực tế



Hệ tọa độ VN.2000, kinh tuyến trực 104° 00', mũi chiếu 3

MỎ CÁT TRÊN SÔNG ĐÀ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI BẢN KHỐC A, XÃ MUỜNG KHOA VÀ BẢN CẢI B, XÃ CHIM VÀN, HUYỆN BẮC YÊN, TỈNH SƠN LA (NAY LÀ XÃ TẠ KHOA VÀ XÃ PẮC NGÀ, TỈNH SƠN LA)

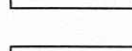
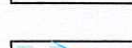
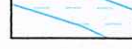
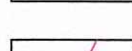
TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM KHÉP GÓC VÀ MỐC GỬI						
Điểm góc	Hệ VN2000, KTT 104° 00', mũi chiếu 3°		Diện tích (ha)	Mốc gửi	Hệ VN2000, KTT 104° 00', mũi chiếu 3°	
	X(m)	Y(m)			X(m)	Y(m)
1	2348571,00	530829,00	46,82	GM1	2348639,510	530879,697
2	2348270,270	531275,00		GM2	2348349,336	531299,543
3	2348114,00	531777,00		GM3	2348191,292	531801,052
4	2348040,00	532182,00		GM4	2348119,246	532196,430
5	2347672,00	532115,00		GM5	2347597,129	532101,489
6	2348073,00	530993,00		GM6	2347993,746	530964,600
7	2348371,00	530681,00		GM7	2348312,938	530638,039

I. ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH

Bảng phân lớp chất công trình

Phân loại	Mô tả đặc điểm địa chất	Đặc điểm ĐCTV	Đặc điểm động lực	Tính chất cơ lý	Mức độ thuận lợi với KTM
I	- Lớp trên nê Sét, sét pha cát màu nâu, dày 0,1-0,3m - Lớp tiếp theo Cát hạt nhỏ màu xám, xám đen lẫn sét, bột. Dày 2,7-3,7m - Lớp lõi đất sét màu nâu. Khoan qua lớp này không 0,2m	Có chứa nhiều nước	Rất không ổn định	Mềm yếu, dễ rời	Không thuận lợi

II. CÁC KÝ HIỆU KHÁC

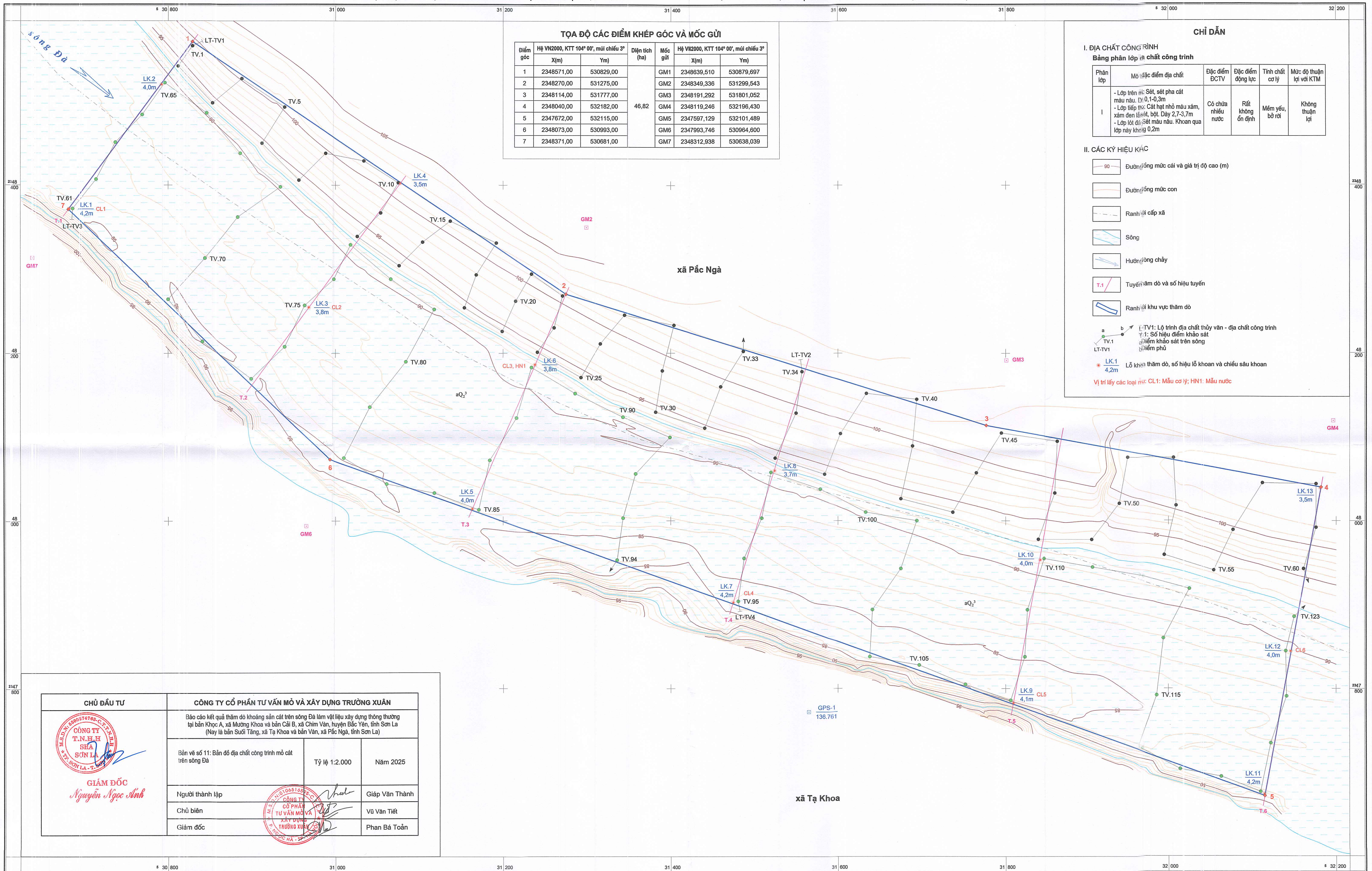
- | | |
|---|--|
|  | Đường đồng mức cái và giá trị độ cao (m) |
|  | Đường đồng mức con |
|  | Ranh giới cấp xã |
|  | Sông |
|  | Hướng dòng chảy |
|  | Tuyến đường đỏ và số hiệu tuyến |
|  | Ranh giới khu vực thăm dò |



- TV.1: Lộ trình địa chất thủy văn - địa chất công trình
- 7.1: Số hiệu điểm khảo sát
- Điểm khảo sát trên sông
- Điểm phủ

LK.1

Vị trí lấy các loại mẫu: CL1: Mẫu cơ lý; HN1: Mẫu nước



TỶ LỆ 1:2.000

Hệ tọa độ VN.2000, kinh tuyến trực 104° 00', múi chiếu 3°

BẢN ĐỒ TÀI LIỆU THỰC TẾ ĐỊA CHẤT THỦY VĂN - ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH

MỎ CÁT TRÊN SÔNG ĐÀ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI BẢN KHOC A, XÃ MƯỜNG KHOA VÀ BẢN CẢI B, XÃ CHIM VÂN, HUYỆN BẮC YÊN, TỈNH SƠN LA (NAY LÀ XÃ TẠ KHOA VÀ XÃ PẮC NGÀ, TỈNH SƠN LA)

TỌA ĐỘ CÁC ĐIỂM KHÉP GÓC VÀ MỐC GỬI						
Điểm góc	Hệ VN2000, KTT 104° 00', múi chiếu 3°		Diện tích (ha)	Mốc gửi	Hệ VN2000, KTT 104° 00', múi chiếu 3°	
	X(m)	Y(m)			X(m)	Y(m)
1	2348571,00	530829,00	46,82	GM1	2348639,510	530879,697
2	2348270,00	531275,00		GM2	2348349,336	531299,543
3	2348114,00	531777,00		GM3	2348191,292	531801,052
4	2348040,00	532182,00		GM4	2348119,246	532196,430
5	2347672,00	532115,00		GM5	2347597,129	532101,489
6	2348073,00	530993,00		GM6	2347993,746	530964,600
7	2348371,00	530681,00		GM7	2348312,938	530638,039

CHỈ DẪN

Đường đồng mức cái và giá trị độ cao (m)

Đường đồng mức con

Ranh giới cấp xã

Sông

Hướng dòng chảy

Tuyến thăm dò và số hiệu tuyến

Ranh giới khu vực thăm dò

LT-TV1: Lộ trình địa chất thủy văn - địa chất công trình

TV.1: Số hiệu điểm khảo sát

a: Điểm khảo sát trên sông

b: Điểm phủ

LK.1: Lỗ khoan thăm dò, số hiệu lỗ khoan và chiều sâu khoan

CL.1: Mẫu cơ lý; HN.1: Mẫu nước

Vị trí lấy các loại mẫu: CL.1: Mẫu cơ lý; HN.1: Mẫu nước

CHỦ ĐẦU TƯ	CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN MỎ VÀ XÂY DỰNG TRƯỜNG XUÂN		
GIÁM ĐỐC <i>Nguyễn Ngọc Anh</i>	Bảo cáo kết quả thăm dò khoáng sản cát trên sông Đà làm vật liệu xây dựng thông thường tại bản Khoc A, xã Mường Khoa và bản Cải B, xã Chim Vân, huyện Bắc Yên, tỉnh Sơn La (Nay là bản Suối Tăng, xã Tạ Khoa và bản Vân, xã Pắc Ngà, tỉnh Sơn La)		
	Bản vẽ số 09: Bản đồ tài liệu thực tế ĐCTV-ĐCCT mỏ cát trên sông Đà	Tỷ lệ 1:2.000	Năm 2025
	Người thành lập		Giáp Văn Thành
	Chủ biên		Vũ Văn Tiết
	Giám đốc		Phan Bá Toàn

TỶ LỆ 1:2.000
1cm trên bản đồ bằng 20m ngoài thực tế
Hệ tọa độ VN.2000, kinh tuyến trục 104° 00', múi chiếu 3°

MỎ CÁT TRÊN SÔNG ĐÀ LÀM VẬT LIỆU XÂY DỰNG THÔNG THƯỜNG TẠI BẢN KHỐC A, XÃ MUỜNG KHOA VÀ BẢN CẢI B, XÃ CHIM VÀN, HUYỆN BẮC YÊN, TỈNH SƠN LA (NAY LÀ XÃ TẠ KHOA VÀ XÃ PẮC NGÀ, TỈNH SƠN LA)

